

Tính từ và trạng từ giống nhau trong tiếng Anh

Í kíp luyện thi TOEIC: Tính từ và trạng từ giống nhau thường gặp trong bài thi TOEIC

Trong tiếng Anh, một số tính từ và trạng từ có cùng dạng. Để tránh nhầm lẫn trong các bài thi TOEIC, chương này mình xin liệt kê một số từ vừa là tính từ vừa là trạng từ thường hay gặp trong các bài thi TOEIC.

Early: sớm/trước đó/giai đoạn đầu

Ví dụ:

- The project **is** still **in** the early stages. Dự án vẫn đang trong những giai đoạn đầu. - The bus came ten minutes early. Xe buýt đến sớm mười phút

Far: xa

Ví dụ:

- They made **for** an empty table **in** the far corner. Người ta chuyển chiếc bàn trống ra góc xa. - **Have** you ever come far? Bạn đã đi xa bao giờ chưa?

Fast: nhanh/chắc chắn, cố định

Ví dụ:

- **As** you can see, he **is** running so fast. Như bạn thấy đấy, anh ta đang chạy rất nhanh. - He made the boat fast. Anh ta cố định chiếc thuyền lại. - **The** boat was stuck fast **in** the mud. Chiếc thuyền bị mắc kẹt trong bùn.

Free: miễn phí

Phân biệt với **Freely (adv)**: tự do/tùy thích/thoải mái

Ví dụ:

- **We**'re offering a free gift **with** each copy you buy. Chúng tôi dành tặng một món quà miễn phí tuyệt vời với mỗi bản sao bạn mua. - EU citizens can now travel freely between member states. Người dân khối EU ngày nay có thể đi du lịch tự do giữa các quốc gia thành viên.

Hard: cứng, rắn/nghiêm khắc/khắc nghiệt/chăm chỉ, nỗ lực

Phân biệt với **Hardly (adv)**: Hiếm khi, hầu như không

Ví dụ:

- **She's** a very hard employee. Cô ấy là một nhân viên chăm chỉ - **Hardly** a day goes **by** without **my** thinking of her. Hiếm có ngày nào trôi qua mà tôi không suy nghĩ về cô ấy.

High: cao/đắt

Phân biệt với **Highly**: ở mức độ cao, rất, thực sự

Ví dụ:

- **The** house has a high wall all the way round it. Ngôi nhà có tường cao bao quanh. - **She** highly appreciated his help. Cô ấy thực sự cảm kích trước sự giúp đỡ từ anh ta.

Late: muộn/giai đoạn sau

Phân biệt với **Lately**: gần đây

Ví dụ:

- **She's** late **for** work every day. Cô ấy đi làm muộn hằng ngày - **He** became a famous author late **in** life. Ông ấy đã trở thành một tác giả nổi tiếng vào những năm cuối đời. - I haven't seen them lately. Gần đây tôi không gặp họ

Like: giống, giống như, tương tự

Phân biệt với **Likely**: có lẽ, hình như

Ví dụ:

- **She** responded **in** like manner. Cô ấy phản ứng với thái độ tương tự. - **There** was silence, but **not** like before. Có một sự yên lặng nhưng không giống trước đó. - **It's** likely that the thieves don't know how much the picture **is** worth. Có lẽ kẻ trộm không biết bức tranh trị giá bao nhiêu tiền. - **The** illness was caused most likely **by** a virus. Bệnh có lẽ gây ra bởi vi-rút

Little: ít

Ví dụ:

- A little **while** later the phone rang. Một lúc sau chuông điện thoại reo. - **He is** little known **as** an architect. Anh ấy ít được biết đến như một kiến trúc sư.

Live: Trực tiếp

Phân biệt với **Lively (adj)**: *sống động/sôi nổi/hoạt bát*

Ví dụ:

- She is talking part in a live show next week. Cô ấy sẽ tham gia một buổi biểu diễn trực tiếp tuần sau. - We had a lively discussion about next year's budget. Chúng tôi có một cuộc thảo luận sôi nổi về ngân sách năm sau.

Long: lâu/dài

Ví dụ:

- He's been ill for a long time. Anh ấy đã bị ốm một thời gian dài - Have you been here long? Bạn đã ở đây lâu chưa?

Near: gần/ngắn

Phân biệt với **Nearly (adv)**: *hầu hết, gần như*

Ví dụ:

- His house is very near. Nhà anh ấy ở rất gần - The audience was nearly all women. Khách giả hầu hết tất cả là phụ nữ.

Only: duy nhất

Ví dụ:

- She's their only granddaughter. Cô ấy là cháu gái duy nhất của họ - The bar is for men only. Quán bar chỉ dành cho đàn ông.

Right: hoàn toàn/đúng, chính xác (khách quan)

Phân biệt với **Rightly**: *hợp lý/đúng đắn, chính xác (chủ quan)*

Ví dụ:

- You made a right mess of my room! Bạn đang làm phòng tôi trở nên hoàn toàn bừa bộn! - You guessed right. Bạn đã đoán đúng - I can't rightly say what happened. Tôi không thể nói một cách chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Ngoài ra, nếu bạn cần tham khảo thêm về tính từ và trạng từ giống nhau, mời bạn click chuột vào [Trạng từ và tính từ giống nhau trong tiếng Anh](#).

Bài tập luyện thi Part 5 TOEIC

Ứng với mỗi bài đọc trong loạt bài **Part 5 TOEIC** này, mình sẽ cung cấp một bài tập áp dụng giúp bạn ôn luyện luôn phần vừa đọc, từ đó giúp bạn nắm vững hơn phần đã được hướng dẫn.

Để làm bài tập áp dụng, mời bạn click chuột vào **Bài tập luyện thi TOEIC**.